

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **1. Đặc điểm hoạt động**

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11 tháng 06 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101517669 ngày 28 tháng 07 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### ***Ngành nghề kinh doanh chính***

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

### **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### ***4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### ***4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ***

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

#### ***4.3 Các khoản phải thu***

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### ***4.4 Hàng tồn kho***

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.5 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư được lập cho các khoản vốn Tổng Công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác nếu các tổ chức này bị lỗ tại ngày kết thúc niên độ kế toán (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

### **4.6 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trong năm 2009, riêng phương tiện vận tải được khấu hao nhanh gấp 2 lần so với mức tối đa quy định.

| <u>Loại tài sản</u>      | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|--------------------------|---------------------------------|
| Phương tiện vận tải      | 3                               |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 1,5                             |

### **4.7 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.9 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế, được tạm trích lập các quỹ như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Quỹ dự phòng tài chính : 5% lợi nhuận sau thuế;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 25% lợi nhuận sau thuế;

Lợi nhuận còn lại được chia cho các cổ đông sau khi có ý kiến của Đại hội cổ đông

### 4.10 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

### 4.12 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%. Riêng quý 4 năm 2008 và năm 2009, Công ty được giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ
- Thuế suất thuế Giá trị gia tăng: Các loại sách cho Đại học và dạy nghề là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế. Đối với từ điển các loại áp dụng mức thuế suất 5%. Đối với các loại sổ sách chuyên môn áp dụng mức thuế suất 10%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

|   | 30/06/2010           | 01/01/2010           |
|---|----------------------|----------------------|
|   | VND                  | VND                  |
| Tiền mặt  | 192.489.132          | 15.523.520           |
| Tiền gửi ngân hàng công thương HN                   | 1.152.390.908        | 4.382.918.979        |
| Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 1 tháng NH công thương HN | 2.000.000.000        | 2.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>   | <b>3.344.880.040</b> | <b>6.398.442.499</b> |

### 6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

|                         | 30/06/2010           | 01/01/2010           |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
|                         | VND                  | VND                  |
| Cho NXB Giáo dục VN vay | 6.000.000.000        | 6.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>             | <b>6.000.000.000</b> | <b>6.000.000.000</b> |

Cho NXBGD vay theo hợp đồng số 20/HĐVV ngày 16/02/2009 và Phụ lục của hợp đồng số 922/HĐVV ký ngày 23/07/2007. Thời hạn vay tối đa là 12 tháng tính từ ngày ký và việc gia hạn thêm (nếu có) sẽ được thỏa thuận bằng các phụ lục hợp đồng. Lãi suất 10,5%/năm tại thời điểm ký HĐ vay vốn, trong trường hợp cần thiết sẽ được điều chỉnh theo thỏa thuận bằng văn bản của 2 bên.

### 7. Các khoản phải thu khác

|                                    | 30/06/2010 | 01/01/2010        |
|------------------------------------|------------|-------------------|
|                                    | VND        | VND               |
| Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn 1 tháng | 0          | 10.388.889        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>0</b>   | <b>10.388.889</b> |

### 8. Dự phòng phải thu khó đòi

|   | 30/06/2010           | 01/01/2010           |
|---|----------------------|----------------------|
|   | VND                  | VND                  |
| Dự phòng nợ phải thu quá hạn trên 1 năm | 2.648.269.121        | 1.232.615.392        |
| Dự phòng nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm |                      | 2.014.257.899        |
| <b>Cộng</b>                             | <b>2.648.269.121</b> | <b>3.246.873.291</b> |

### 9. Hàng tồn kho

|  | 30/06/2010 | 01/01/2010 |
|--|------------|------------|
|  | VND        | VND        |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

|                                  |                      |                      |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Thành phẩm                       | 6.196.310.134        | 6.335.978.585        |
| Hàng hóa                         | 473.534.942          | 156.454.708          |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho   | (2.457.883.197)      | (3.224.558.918)      |
| <b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b> | <b>4.211.961.879</b> | <b>3.267.874.375</b> |

### 10. Tài sản cố định hữu hình

|                        | P.tiền vận tải<br>truyền dẫn<br>VND | Thiết bị, dụng<br>cụ quản lý<br>VND | Cộng<br>VND          |
|------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                                     |                                     |                      |
| Số đầu năm             | 1.009.219.000                       | 205.998.673                         | 1.215.217.673        |
| Mua sắm trong năm      | -                                   | -                                   | -                    |
| T/lý, nhượng bán       | -                                   | -                                   | -                    |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>1.009.219.000</b>                | <b>205.998.673</b>                  | <b>1.215.217.673</b> |
| <b>Khấu hao</b>        |                                     |                                     |                      |
| Số đầu năm             | 532.738.914                         | 144.836.449                         | 677.575.363          |
| Khấu hao trong kỳ      | 150.490.205                         | 20.389.039                          | 170.879.244          |
| Thanh lý, nhượng bán   | -                                   | -                                   | -                    |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>683.229.119</b>                  | <b>165.225.488</b>                  | <b>848.454.607</b>   |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                                     |                                     |                      |
| Số đầu năm             | 476.480.086                         | 61.162.224                          | 537.642.310          |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>325.989.881</b>                  | <b>40.773.185</b>                   | <b>366.763.066</b>   |

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 251.186.449 đồng.

### 11. Đầu tư dài hạn khác

|  | 30/06/2010<br>VND  | 01/01/2010<br>VND  |
|--|--------------------|--------------------|
| Đầu tư cổ phiếu (Công ty Sách – TBTH Tp.HCM) (*) | 634.000.000        | 634.000.000        |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (**)  | (100.000.000)      | (155.200.000)      |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>534.000.000</b> | <b>478.800.000</b> |

(\*) Tại ngày 30/06/2010 Công ty đang đầu tư 38.000 cổ phiếu của công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là cổ phiếu đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán STC.

(\*\*) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán này được lập căn cứ vào:

- Số lượng cổ phiếu Công ty đang nắm giữ
- Chênh lệch giữa giá giao dịch bình quân ngày 30/06/2010 tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và giá gốc của chứng khoán đã đầu tư.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

|                            | 30/06/2010           | 01/01/2010           |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
|                            | VND                  | VND                  |
| Thuế giá trị gia tăng      | 2.371.541            | -                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.059.327.489        | 738.761.758          |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 117.887.870          | 268.733.261          |
| <b>Cộng</b>                | <b>1.179.586.900</b> | <b>1.007.495.019</b> |

### 13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

|                                   | 30/06/2010        | 01/01/2010         |
|-----------------------------------|-------------------|--------------------|
|                                   | VND               | VND                |
| Kinh phí công đoàn                | 41.237.603        | 104.699.603        |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | -                 | -                  |
| <b>Cộng</b>                       | <b>41.237.603</b> | <b>104.699.603</b> |

### 14. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|                             | Vốn đầu tư của<br>chủ sở hữu | Thặng dư vốn<br>cổ phần | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Quỹ dự phòng<br>tài chính | Lợi nhuận<br>sau thuế<br>chưa phân phối |
|-----------------------------|------------------------------|-------------------------|--------------------------|---------------------------|---|
|                             | VND                          | VND                     | VND                      | VND                       | VND                                     |
| Số dư tại 01/01/2010        | 10.000.000.000               | 1.890.000.000           | 600.414.374              | 435.064.254               | 2.410.137.840                           |
| Tăng trong năm              | -                            | -                       | -                        | -                         | 1.447.909.793                           |
| Giảm trong năm              | -                            | -                       | -                        | -                         | 1.700.000.000                           |
| <b>Số dư tại 30/06/2010</b> | <b>10.000.000.000</b>        | <b>1.890.000.000</b>    | <b>600.414.374</b>       | <b>435.064.254</b>        | <b>2.158.047.633</b>                    |

#### b. Chi tiết đầu tư của chủ sở hữu

|   | 30/06/2010    | 01/01/2010    |
|---|---------------|---------------|
|   | VND           | VND           |
| Vốn đầu tư của Nhà Xuất bản giáo dục VN | 2.574.000.000 | 3.536.000.000 |
| Vốn góp của các cổ đông khác            | 7.426.000.000 | 6.464.000.000 |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

| Cộng  | <u>10.000.000.000</u>       | <u>10.000.000.000</u>       |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| <b>c. Cổ phiếu</b>                                |                             |                             |
|   | 30/06/2010                  | 01/01/2010                  |
|   | VND                         | VND                         |
| Số lượng cổ phiếu được phép phát hành             | 1.000.000                   | 1.000.000                   |
| - Cổ phiếu thường                                 | 1.000.000                   | 1.000.000                   |
| - Cổ phiếu ưu đãi                                 | -                           | -                           |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                   | 1.000.000                   | 1.000.000                   |
| - Cổ phiếu thường                                 | 1.000.000                   | 1.000.000                   |
| - Cổ phiếu ưu đãi                                 | -                           | -                           |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 (VND)      |                             |                             |
| <b>d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>       |                             |                             |
|   | 30/06/2010                  | 01/01/2010                  |
|   | VND                         | VND                         |
| Lợi nhuận năm trước chuyển sang                   | <b>2.410.137.840</b>        | 944.749.232                 |
| Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp          | 1.447.909.793               | 3.379.126.582               |
| <b>Tạm phân phối lợi nhuận</b>                    | -                           | <b>1.913.737.974</b>        |
| Trích quỹ dự phòng tài chính                      | -                           | 168.956.329                 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi                   | -                           | 844.781.645                 |
| Chia cổ tức (2009)                                | 1.700.000.000               | 900.000.000                 |
| <b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>          | <u><b>2.158.047.633</b></u> | <u><b>2.410.137.840</b></u> |
| <b>15. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> |                             |                             |
|   | Quý 2/2010                  | Quý 2/2009                  |
|   | VND                         | VND                         |
| Doanh thu bán hàng                                | 6.692.571.416               | 5.347.157.524               |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ                        | -                           | -                           |
| <b>Cộng</b>                                       | <u><b>6.692.571.416</b></u> | <u><b>5.347.157.524</b></u> |
| <b>16. Giá vốn hàng bán</b>                       |                             |                             |
|   | Quý 2/2010                  | Quý 2/2009                  |
|   | VND                         | VND                         |
| Giá vốn của hàng tồn kho đã tiêu thụ              | 4.274.295.043               | 3.804.050.419               |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

| <b>Cộng</b>   | <b>4.274.295.043</b> | <b>3.804.050.419</b> |
|---|----------------------|----------------------|
| <b>17. Doanh thu hoạt động tài chính</b>                                      |                      |                      |
|   | <b>Quý 2/2010</b>    | <b>Quý 2/2009</b>    |
|   | <b>VND</b>           | <b>VND</b>           |
| Lãi tiền gửi, tiền tiết kiệm  | 62.876.315           | 16.293.195           |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty STC                                    | 45.995.600           |                      |
| Lãi cho NXBGD Việt nam vay  | 106.750.000          | 110.261.667          |
| <b>Cộng</b>   | <b>215.621.915</b>   | <b>126.584.862</b>   |
| <b>18. Hoàn nhập các khoản đầu tư</b>   |                      |                      |
|   | <b>Quý 2/2010</b>    | <b>Quý 2/2009</b>    |
|   | <b>VND</b>           | <b>VND</b>           |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn                          | (55.200.000)         | (114.000.000)        |
| Chi phí tài chính khác  | -                    | -                    |
| <b>Cộng</b>   | <b>(55.200.000)</b>  | <b>(114.000.000)</b> |
| <b>19. Thu nhập khác</b>  |                      |                      |
|   | <b>Quý 2/2010</b>    | <b>Quý 2/2009</b>    |
|   | <b>VND</b>           | <b>VND</b>           |
| Thu nhập khác   | 0                    | 0                    |
| <b>Cộng</b>   | <b>0</b>             | <b>0</b>             |
| <b>20. Chi phí khác</b>   |                      |                      |
|   | <b>Quý 2/2010</b>    | <b>Quý 2/2009</b>    |
|   | <b>VND</b>           | <b>VND</b>           |
| Chi phí khác  | 0                    | 0                    |
| <b>Cộng</b>   | <b>0</b>             | <b>0</b>             |
| <b>21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế trong năm</b> |                      |                      |
|   | <b>Quý 2/2010</b>    | <b>Quý 2/2009</b>    |
|   | <b>VND</b>           | <b>VND</b>           |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế   | 1.087.782.880        | 639.473.805          |
| Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế                                       | -                    |                      |

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

|   |                    |                    |
|---|--------------------|--------------------|
| Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)              | 84.783.000         |                    |
| Điều chỉnh giảm (lãi cổ tức nhận được)              | 45.995.600         |                    |
| Tổng thu nhập chịu thuế                             | 1.126.570.280      | 639.473.805        |
| Thuế suất   | 25%                | 25%                |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                          | 395.565.731        | 250.000.000        |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (@)          |                    | 75.000.000         |
| <b>Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b> | <b>395.565.731</b> | <b>175.000.000</b> |
| <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>                      | <b>692.217.149</b> | <b>464.473.805</b> |

@ Thuế Thu nhập doanh nghiệp giảm theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.

Chi phí thuế TNDN của Quý 2/2010 được tính dựa trên tổng thu nhập chịu thuế cả Quý 1 và Quý 2/2010 (trong Quý 1/2010 công ty chỉ tạm trích số thuế TNDN là 100.000.000 VNĐ).

Chi phí thuế TNDN của Quý 2/2009 được tính dựa trên tổng thu nhập chịu thuế tạm tính cả Quý 1 và Quý 2/2009.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 22.Lãi cơ bản trên cổ phiếu

|   | Quý 2/2010<br>VND | Quý 2/2009<br>VND |
|---|-------------------|-------------------|
| + Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp          | 692.217.149       | 464.473.805       |
| + Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán     | -                 | -                 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                 | -                 | -                 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm                                 | -                 | -                 |
| + Lợi nhuận hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông | 692.217.149       | 464.473.805       |
| + Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ       | 1.000.000         | 1.000.000         |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                             | <b>692</b>        | <b>464</b>        |

### 23.Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

#### a. Thông tin về các bên liên quan

##### Công ty liên quan

##### Mối quan hệ

|                                   |                |
|-----------------------------------|----------------|
| Nhà Xuất bản Giáo dục VN          | Công ty mẹ     |
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà nội  | Công ty đầu tư |
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng | Công ty đầu tư |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

|                                      |                            |
|--------------------------------------|----------------------------|
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp HCM     | Công ty đầu tư             |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà nội  | Công ty con trong hệ thống |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng | Công ty con trong hệ thống |
| Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM      | Công ty con trong hệ thống |
| Công ty cổ phần Học Liệu             | Công ty con trong hệ thống |
| Công ty CP sách TB TH Tp HCM         | Công ty con trong hệ thống |
| Công ty CP sách TBGD Nam Định        | Công ty con trong hệ thống |
| Công ty CP DVXB giáo dục tại Hà Nội  | Công ty con trong hệ thống |
| Công ty CP in Diên Hồng              | Công ty con trong hệ thống |
| Công ty CP in SGK tại Tp Hà nội      | Công ty con trong hệ thống |
| Công ty CP sách và TBDG miền Bắc     | Công ty con trong hệ thống |
| Công ty CP sách và TBDG miền Trung   | Công ty con trong hệ thống |

**b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ**

| <b>Công ty liên quan</b>             | <b>Nội dung nghiệp vụ</b>         | <b>Giá trị VND</b> |
|--------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| <b>Bán hàng</b>                      |                                   |                    |
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại TPHCM      | Cung ứng sách giáo khoa           | 1.031.126.600      |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà nội  | Cung ứng sách ĐH – DN             | 37.599.835         |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng | Cung ứng sách ĐH – DN             | 19.527.440         |
| Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM      | Cung ứng sách ĐH – DN             | 416.718.475        |
| Công ty cổ phần Học Liệu             | Cung ứng sách ĐH – DN             | 128.634.750        |
| Công ty CP sách TB TH Tp HCM         | Cung ứng sách ĐH – DN             | 16.518.362         |
| Công ty CP sách TBGD Nam Định        | Cung ứng sách ĐH – DN             | 2.258.500          |
| Công ty CP sách và TBDG miền Bắc     | Cung ứng sách giáo khoa           | 507.827.580        |
| Công ty CP sách và TBDG miền Trung   | Cung ứng sách giáo khoa           | 317.353.280        |
| <b>Mua hàng</b>                      |                                   |                    |
| NXB Giáo dục VN                      | Mua tem chống giả, tiền điện      | 34.096.504         |
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại TPHCM      | Giảm giá hàng bán                 | 15.869.700         |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà nội  | Mua mua sách tham khảo            | 94.641.000         |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng | Mua mua sách tham khảo            | 8.021.825          |
| Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM      | Mua mua sách tham khảo            | 19.890.060         |
| Công ty cổ phần Học Liệu             | Tiền sách GK, tiền điện, thuê nhà | 309.754.437        |
| Công ty CP sách TB TH Tp HCM         | Tiền mua sách GK                  | 944.367.377        |
| Công ty CP in Diên Hồng              | Tiền in sách ĐH- DN               | 428.056.585        |
| Công ty CP in SGK tại Tp Hà nội      | Tiền in sách ĐH- DN               | 884.363.464        |
| <b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>     |                                   |                    |
| NXB Giáo dục VN                      | Thu nhập từ lãi cho vay           | 106.750.000        |

**c. Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan tại ngày 30/06/2010**

| <b>Công ty liên quan</b> | <b>Nội dung nghiệp vụ</b> | <b>Phải thu</b> | <b>Phải trả</b> |
|--------------------------|---------------------------|-----------------|-----------------|
|--------------------------|---------------------------|-----------------|-----------------|

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

|                                      |                     | VND                   | VND                  |
|--------------------------------------|---------------------|-----------------------|----------------------|
| Nhà Xuất bản Giáo dục VN             | Nợ gốc              | 6.000.000.000         |                      |
| Nhà Xuất bản Giáo dục VN             | Lãi vay             | 349.197.992           |                      |
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà nội     | Phải thu khách hàng | 459.889.600           |                      |
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp HCM     | Phải thu khách hàng | 1.495.811.300         |                      |
| Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng    | Phải trả người bán  |                       | 34.999.800           |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà nội  | Phải thu khách hàng | 138.208.615           |                      |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng | Phải thu khách hàng | 173.405.325           |                      |
| Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM      | Phải thu khách hàng | 1.870.249.647         |                      |
| Công ty cổ ph ần Học Liệu            | Phải thu khách hàng | 488.999.816           |                      |
| Công ty CP sách TB TH Tp HCM         | Phải trả người bán  |                       | 710.119.118          |
| Công ty CP sách TBGD Nam Định        | Phải thu khách hàng | 291.556               |                      |
| Công ty CP DVXB giáo dục tại Hà Nội  | Phải trả người bán  |                       | 400.000.000          |
| Công ty CP in Diên Hồng              | Phải trả người bán  |                       | 378.715.758          |
| Công ty CP in SGK tại Tp Hà nội      | Phải trả người bán  |                       | 352.559.176          |
| Công ty CP sách và TBDG miền Bắc     | Phải thu khách hàng | 507.827.580           |                      |
| Công ty CP sách và TBDG miền Trung   | Phải thu khách hàng | 303.731.430           |                      |
| <b>Cộng</b>                          |                     | <b>11.787.612.861</b> | <b>1.876.393.852</b> |

**Giám đốc**

**Ngô Thị Thanh Bình**

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2010

**Kế toán trưởng**

**Lê Quang Dũng**